

Số: 11 /2018/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Xét Tờ trình số 2053/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi

Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Mức chi

a) Đối với các nội dung chi được quy định từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều 3 Thông tư số 19/2017/TT-BTC thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành được quy định trong các văn bản của Trung ương; nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan.

b) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức là 500.000 đồng/hồ sơ.

c) Chi công bố kết quả xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

d) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính (nếu có), theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

3. Khi các văn bản quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính dẫn chiếu để áp dụng tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước thực hiện; công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Kinh phí từ nguồn tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Ban hành Quyết định quy định về tiêu chí, thẩm quyền và cách thức xác định các hồ sơ có nội dung phức tạp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

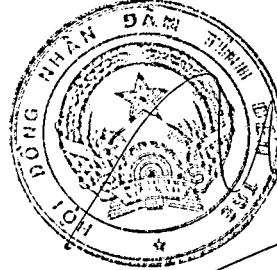
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Ngị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khóa IX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UB thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ tư pháp;
- Cục QLXLVPHC & TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Lãnh đạo VP. HĐND tỉnh (1b);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH Bến Tre, Báo Đồng Khởi;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trung tâm TTĐT;
- Phòng TH-VPHĐND tỉnh (7b);
- Lưu: VT, MN.

CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Võ Thành Hạo

